CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Signature Not Verified
Ký bởi: LÂM QUỲNH HƯƠNG
Ký ngày: 30/3/2018 11:30:1

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư CMC công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Cơ khí Số 1, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009571 ngày 14/10/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104309) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/12/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 11/12/2006 với mã chứng khoán là CMC.

Vốn điều lệ:	*45.610.500.000 đồng*
Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017:	*45.610.500.000 đồng*

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Ngõ 83, Đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24.38612718
- Fax: (84) 24.38612718
- Website: www.cmci.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất ôtô và phụ tùng ô tô các loại, các sản phẩm cơ khí, công nghiệp, sửa chữa, lắp ráp, tân trang, hoán cải, phục hồi thiết bị xây dựng và phương tiện giao thông vận tải, gia công chế biến hàng xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, đại lý xăng dầu, phương tiện vận tải và phụ tùng, thiết bị, máy móc các loại, hàng tiêu dùng, đại lý mua bán và cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Sửa chữa, lắp ráp ô tô;
- Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
- Kinh doanh vận tải ô tô;
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, hạ tầng khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mầm non tư thục;
- Kinh doanh bãi đỗ xe các loại, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh máy xây dựng các loại;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các cấu kiện vật liệu đúc sẵn;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình ngành viễn thông.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 14 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016
• Ông Ngô Trọng Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016
• Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/01/2017
• Bà Lê Thị Tuyết Nhung	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016 Miễn nhiệm ngày 16/01/2017

Ban kiểm soát

• Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/04/2016
• Ông Vũ Văn Thuyết	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2016
• Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2017
• Ông Hoàng Minh Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2016 Miễn nhiệm ngày 30/03/2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Ngô Trọng Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/04/2016
• Ông Ngô Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2017
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06/04/2016

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Ngô Trọng Vinh
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 575/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2018, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 14, đến thời điểm 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty đang ghi nhận thiếu khoản thuế Thu nhập cá nhân phải nộp ngân sách Nhà nước là 252.227.532 đồng. Nếu hạch toán theo đúng quy định hiện hành thì chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" và chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" cùng tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty số 2205.01/2017/NTV2-BCTC ngày 09/06/2017, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc	**Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1*

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**51.140.076.294**	**98.541.465.553**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**69.494.646**	**832.129.502**
1. Tiền	111	5	69.494.646	832.129.502
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**32.062.709.290**	**64.284.489.230**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	38.512.991.550	69.517.882.850
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(6.450.282.260)	(5.733.393.620)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6b	-	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**10.131.116.220**	**23.902.380.600**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	620.000.000	677.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.950.557.556	2.500.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	6.620.270.500	21.496.241.600
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.440.288.164	1.104.139.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.500.000.000)	(1.875.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	12	**8.577.063.600**	**9.133.078.500**
1. Hàng tồn kho	141		10.293.063.600	9.633.078.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.716.000.000)	(500.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**299.692.538**	**389.387.721**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		293.119.050	330.296.812
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.573.488	59.090.909
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**51.257.981.492**	**2.451.098.052**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**2.017.281.492**	**2.451.098.052**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.017.281.492	2.451.098.052
- Nguyên giá	*222*		*5.021.184.331*	*5.021.184.331*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.003.902.839)*	*(2.570.086.279)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**49.240.700.000**	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	49.240.700.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6d	3.300.000.000	3.300.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6d	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**102.398.057.786**	**100.992.563.605**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**43.071.138.676**	**43.211.084.456**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**30.348.939.576**	**43.211.084.456**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		15.000.000	-
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	82.366.045	82.366.045
3.	Phải trả người lao động	314		94.542.637	80.370.773
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		16.000.000	17.500.000
5.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		190.000.000	190.000.000
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	15a	2.119.492.701	10.689.062.201
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16a	27.516.352.756	31.836.600.000
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		315.185.437	315.185.437
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**12.722.199.100**	**-**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	15b	9.242.750.000	-
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16b	3.479.449.100	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**59.326.919.110**	**57.781.479.149**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**17**	**59.326.919.110**	**57.781.479.149**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	45.610.500.000	45.610.500.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*45.610.500.000*	*45.610.500.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	17	2.100.000	2.100.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	17	9.211.921.095	9.211.921.095
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	93.928.484	93.928.484
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	4.408.469.531	2.863.029.570
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*	17	*2.863.029.570*	*2.439.457.820*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	17	*1.545.439.961*	*423.571.750*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**102.398.057.786**	**100.992.563.605**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Trọng Hà	Nguyễn Ánh Hồng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	9.576.462.672	15.213.446.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		9.576.462.672	15.213.446.655
4. Giá vốn hàng bán	11	19	9.301.737.513	12.713.041.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**274.725.159**	**2.500.404.805**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	8.187.902.829	3.899.227.329
7. Chi phí tài chính	22	21	3.449.280.565	2.652.998.887
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*2.655.849.871*	*2.562.646.787*
8. Chi phí bán hàng	25		48.016.364	16.795.715
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.419.883.805	4.234.358.487
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.545.447.254**	**(504.520.955)**
11. Thu nhập khác	31		-	1.753.383.917
12. Chi phí khác	32		7.293	825.291.212
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(7.293)**	**928.092.705**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.545.439.961**	**423.571.750**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**1.545.439.961**	**423.571.750**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	339	71
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	339	71

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Trọng Hà	Nguyễn Ánh Hồng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		29.134.123.562	20.367.727.320
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(31.488.573.809)	(36.190.392.860)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.283.547.541)	(1.063.020.241)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	15a;21	(1.993.515.411)	(3.113.590.530)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.028.373.894	15.299.400.133
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.701.445.386)	(9.337.439.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(5.304.584.691)**	**(14.037.315.342)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.318.470.500)	(6.833.900.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		21.694.441.600	5.361.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.640.900.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.548.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10;20	2.647.676.879	2.273.038.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**5.382.747.979**	**11.348.138.715**
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16a;16b	16.249.172.856	29.271.066.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16a	(17.089.971.000)	(25.774.011.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(840.798.144)**	**3.497.055.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(762.634.856)**	**807.878.373**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	5	832.129.502	24.251.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**69.494.646**	**832.129.502**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Trọng Hà	Nguyễn Ánh Hồng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Cơ khí Số 1, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009571 ngày 14/10/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104309) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/12/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 11/12/2006 với mã chứng khoán là CMC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Buôn bán máy móc thiết bị và cho thuê kho bãi.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất ôtô và phụ tùng ô tô các loại, các sản phẩm cơ khí, công nghiệp, sửa chữa, lắp ráp, tân trang, hoán cải, phục hồi thiết bị xây dựng và phương tiện giao thông vận tải, gia công chế biến hàng xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, đại lý xăng dầu, phương tiện vận tải và phụ tùng, thiết bị, máy móc các loại, hàng tiêu dùng, đại lý mua bán và cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Sửa chữa, lắp ráp ô tô;
- Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
- Kinh doanh vận tải ô tô;
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, hạ tầng khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mầm non tư thục;
- Kinh doanh bãi đỗ xe các loại, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh máy xây dựng các loại;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các cấu kiện vật liệu đúc sẵn;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình ngành viễn thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	10

4.6 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động buôn bán máy móc thiết bị và cho thuê kho bãi.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	51.552.573	10.254.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.942.073	821.874.899
Cộng	**69.494.646**	**832.129.502**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư

a. Chứng khoán kinh doanh

STT			31/12/2017				01/01/2017			
			Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
A	**Cổ phiếu niêm yết**	(i)	**3.116.730**	**29.123.251.550**	**29.600.533.500**	**2.475.218.260**	**2.209.937**	**22.384.542.850**	**24.187.357.940**	**1.758.329.620**
1	Công ty CP Hàng Hải Marina (MHC)		-	-	-	-	2	46.400	12.640	33.760
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)		62.100	728.485.000	732.780.000	-	1.800	18.360.000	19.980.000	-
3	Công ty SX KD XNK Bình Thạnh (GIL)		-	-	-	-	2	77.500	91.000	-
4	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)		10	248.890	550.000	-	10	248.890	354.500	-
5	Công ty CP Sách thiết bị Bình Thuận (BST)		500	6.250.000	5.800.000	450.000	500	6.250.000	7.000.000	-
6	Công ty CP Than Hà Tu (THT)		12.600	171.741.000	78.120.000	93.621.000	12.600	171.741.000	81.900.000	89.841.000
7	Công ty CP Licogi 16 (LCG)		60.080	826.776.960	660.880.000	165.896.960	60.080	826.776.960	238.517.600	588.259.360
8	Công ty CP Xi măng và XD Quảng Ninh (QNC)		2.700	87.550.000	9.450.000	78.100.000	2.700	87.550.000	12.960.000	74.590.000
9	Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (PVX)		-	-	-	-	33	683.000	79.200	603.800
10	Công ty CP Bản đồ và tranh ảnh Giáo dục (ECI)		233.000	3.933.901.700	3.448.400.000	485.501.700	233.000	3.933.901.700	2.959.100.000	974.801.700
11	Công ty CP Cao su sao vàng (SRC)		97.630	1.637.210.500	1.254.545.500	382.665.000			-	-
12	Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)		939.600	7.433.041.600	6.558.408.000	874.633.600	11.200	55.104.000	58.376.000	-
13	Công ty CP Điện nhẹ viễn thông (LTC)		196.500	1.042.800.000	648.450.000	394.350.000	194.500	1.035.600.000	1.011.400.000	24.200.000
14	Công ty CP Xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm (MCF)		-	-	-	-	53.600	693.613.100	846.880.000	-
15	Công ty CP Dệt lưới Sài gòn (SFN)		-	-	-	-	178.200	2.663.956.600	5.328.180.000	-
16	Công ty CP Sách và thiết bị trường học Quảng Ninh (QST)		15.040	136.495.700	180.480.000	-	15.040	136.495.700	148.896.000	-
17	Công ty CP Sách giáo dục TPHCM (SGD)		219.900	1.906.358.400	2.748.750.000	-	219.900	1.906.358.400	2.089.050.000	-
18	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2 (HD2)		170.500	1.822.080.000	2.097.150.000	-	-	-	-	-
19	Công ty CP Mỹ thuật và truyền thông (ADC)		70	700.600	1.120.000	-	51.770	522.353.600	792.081.000	-
20	Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)		-	-	-	-	58.500	765.814.800	912.600.000	-
21	Công ty CP Sách giáo dục Hà Nội (EBS)		1.106.500	9.389.611.200	11.175.650.000	-	1.106.500	9.389.611.200	9.515.900.000	-
22	Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)		-	-	-	-	10.000	170.000.000	164.000.000	6.000.000
B	**Cổ phiếu chưa niêm yết**		**451.223**	**9.389.740.000**	**5.414.676.000**	**3.975.064.000**	**1.824.823**	**47.133.340.000**	**5.414.676.000**	**3.975.064.000**
1	Công ty CP Cơ khí ô tô 3-2	(ii)	451.223	9.389.740.000	5.414.676.000	3.975.064.000	451.223	9.389.740.000	5.414.676.000	3.975.064.000
2	Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu đường sắt		-	-	-	-	356.800	19.624.000.000	-	
3	Công ty CP Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội (Trước đây là Công ty TNHH Khảo sát và Đo đạc Hà Nội)		-	-	-	-	1.016.800	18.119.600.000	-	-
	Cộng		**3.567.953**	**38.512.991.550**	**35.015.209.500**	**6.450.282.260**	**4.034.760**	**69.517.882.850**	**29.602.033.940**	**5.733.393.620**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(ii) Cổ phiếu của Công ty chưa đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Theo đó, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng BIDV	-	-	500.000.000	500.000.000
	-	-	**500.000.000**	**500.000.000**

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017 Giá gốc	31/12/2017 Dự phòng	01/01/2017 Giá gốc	01/01/2017 Dự phòng
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết				49.240.700.000	-	-	-
- Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	*Đang hoạt động*	*0,40*	*803.260*	*32.264.900.000*	-	-	-
- Công ty CP Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội (Trước đây là Công ty TNHH Khảo sát và Đo đạc Hà Nội)	*Đang hoạt động*	*0,47*	*943.100*	*16.975.800.000*	-	-	-
Cộng				**49.240.700.000**	-	-	-

Báo cáo tài chính cho năm 2017 các công ty này đều có lãi và không có lỗ lũy kế, vốn đầu tư được bảo toàn. Do đó, Công ty ghi nhận các khoản đầu tư này theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP CMC - KPI	*Tạm dừng hoạt động*	*3.300.000.000*	*3.300.000.000*	*3.300.000.000*	*3.300.000.000*
Cộng		**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	**3.300.000.000**

Công ty không thu thập được các thông tin về công ty nhận đầu tư và Ban lãnh đạo Công ty xác định là không thể thu hồi được giá gốc của khoản đầu tư nên đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thế hệ	-	22.000.000
Công ty TNHH TMXD Toàn Linh	-	655.000.000
Công ty TNHH MTV Lâm Hoàng Lan	350.000.000	-
Công ty CP đầu tư và XD Hạ tầng ĐT Tuấn Linh	270.000.000	-
Cộng	**620.000.000**	**677.000.000**

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

		31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Cơ khí 120	(*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Komatsu Used Equipment Co..,LTD (KUEC)		640.573.400	-
Jen Co..,LTD		809.984.156	-
Cộng		**3.950.557.556**	**2.500.000.000**

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty đã tạm ứng cho Công ty CP Cơ khí 120 (phát sinh từ năm 2006) để tiếp nhận diện tích khoảng 2,5 ha tại khu đất của Nhà máy cơ khí 120 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất kết cấu thép – phụ tùng ô tô tại KCN Yên Mỹ - Hưng Yên theo Biên bản thỏa thuận ngày 10/08/2006.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

		31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt		-	4.430.000.000
Công ty TNHH TM và XD Nhật Phương	(i)	6.312.500.000	17.066.241.600
Ông Ngô Trọng Vinh		307.770.500	-
Cộng		**6.620.270.500**	**21.496.241.600**

(ii) Là khoản phải thu Công ty TNHH TM và XD Nhật Phương về cho vay theo hợp đồng vay số 03/HĐVV 2017 ngày 01/01/2017 với hạn mức vay 18.000.000.000 đồng. Hợp đồng có thời hạn vay 12 tháng, thời hạn vay có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình xu thế của hai bên và sẽ được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm. Lãi suất cho vay trong vòng 12 tháng tính từ ngày nhận nợ đầu tiên, nếu bên vay hoàn trả được đầy đủ số tiền vay thì sẽ áp dụng lãi suất 0%, nếu hai bên thay đổi thời hạn vay dài hơn 12 tháng thì lãi suất bắt đầu từ tháng thứ 13 được tính theo mức lãi suất huy động của ngân hàng tại thời điểm đó. Mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư cho vay tại ngày 31/12/2017 là 6.312.500.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	100.139.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Minh Việt	-	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng	93.434.000	-	4.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	200.690.000	-	-	-
Ông Ngô Trọng Vinh	1.143.800.000	-	-	-
Phải thu khác	2.364.164	-		-
Cộng	**1.440.288.164**	**-**	**1.104.139.000**	**-**

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho khoản trả trước cho người bán (Công ty Cổ phần Cơ khí 120), quá hạn:	2.500.000.000	1.875.000.000
- Từ 3 năm trở lên	*2.500.000.000*	*1.875.000.000*
Cộng	**2.500.000.000**	**1.875.000.000**

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	10.293.063.600	1.716.000.000	9.633.078.500	500.000.000
Cộng	**10.293.063.600**	**1.716.000.000**	**9.633.078.500**	**500.000.000**

- Công ty trích lập dự phòng theo Quyết định ngày 31/12/2017 của Tổng Giám đốc. Đây là khoản dự phòng đối với các hàng hóa là máy móc đã qua sử dụng, tồn kho đã lâu chưa bán được. Mức trích lập dự phòng dựa trên tỷ lệ giảm giá theo đánh giá của Ban điều hành Công ty.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	110.919.200	4.910.265.131	5.021.184.331
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**110.919.200**	**4.910.265.131**	**5.021.184.331**
Khấu hao			
Số đầu năm	110.919.200	2.459.167.079	2.570.086.279
Khấu hao trong năm	-	433.816.560	433.816.560
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**110.919.200**	**2.892.983.639**	**3.003.902.839**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	2.451.098.052	2.451.098.052
Số cuối năm	**-**	**2.017.281.492**	**2.017.281.492**

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 669.673.962 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	59.090.909	-	832.514.889	779.997.468	6.573.488	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	400.715.004	400.715.004		
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	82.366.045	-	-	-	82.366.045
Cộng	**59.090.909**	**82.366.045**	**1.236.229.893**	**1.183.712.472**	**6.573.488**	**82.366.045**

(*) Công ty chưa thực hiện khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân tại nguồn đối với việc thanh toán lãi vay cho các cá nhân. Theo đó, số thuế Thu nhập cá nhân phải nộp chưa ghi nhận lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là 252.227.532 đồng.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	53.958.212	52.652.869
Phải trả về tiền lãi vay	1.753.503.763	1.091.169.303
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	254.000.000	254.000.000
Phải trả Công ty TNHH Dịch vụ Minh Việt	-	9.242.750.000
Phải trả khác	58.030.726	48.490.029
Cộng	**2.119.492.701**	**10.689.062.201**

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả Công ty TNHH Dịch vụ Minh Việt	9.242.750.000	-
Cộng	**9.242.750.000**	**-**

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HDKT ngày 22/03/2016, Công ty TNHH Dịch vụ Minh Việt góp 50% số tiền để đấu giá mua cổ phần của Công ty CP Viễn thông tín hiệu đường sắt. Lợi nhuận thu được sẽ được phân phối mỗi bên 50% và sẽ được quyết toán khi bán số cổ phiếu trên (số cổ phần đã mua là 336.100 cổ phần tương ứng với số tiền phải nộp là 18.485.500.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	31.836.600.000	7.064.400.000	13.326.100.000	25.574.900.000
- Bà Ngô Anh Thư	*2.330.000.000*	*290.000.000*	*100.000.000*	*2.520.000.000*
- Bà Lê Thị Hồng Vân	*2.521.000.000*	-	-	*2.521.000.000*
- Bà Hoàng Thị Chinh	*300.000.000*	-	-	*300.000.000*
- Bà Nguyễn Thị La	*24.243.600.000*	*2.306.000.000*	*12.830.700.000*	*13.718.900.000*
- Bà Ngô Thu Hương	*120.000.000*	*1.457.400.000*	*127.400.000*	*1.450.000.000*
- Bà Ngô Anh Phương	-	*193.000.000*	*58.000.000*	*135.000.000*
- Ông Lê Anh Tuấn	*1.832.000.000*	*2.018.000.000*	*210.000.000*	*3.640.000.000*
- Ông Lương Văn Vịnh	*490.000.000*	-	-	*490.000.000*
- Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	-	*300.000.000*	-	*300.000.000*
- Công ty CP Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	-	*500.000.000*	-	*500.000.000*
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	5.705.323.756	3.763.871.000	1.941.452.756
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội	-	*4.254.766.200*	*3.763.871.000*	*490.895.200*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	-	*1.450.557.556*	-	*1.450.557.556*
Cộng	**31.836.600.000**	**12.769.723.756**	**17.089.971.000**	**27.516.352.756**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền vay	Mục đích vay
Bà Ngô Anh Thư	Số 19/TC-KT ngày 07/10/2016	12 tháng	8%/năm	500.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 17/TC-KT ngày 14/06/2015	12 tháng	8,5%/năm	1.200.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 08/HĐVV ngày 11/09/2017	12 tháng	8%/năm	100.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 08/HĐVV ngày 18/12/2017	12 tháng	8%/năm	190.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Một số hợp đồng vay khác	12 tháng	8,5%/năm	530.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng			**2.520.000.000**	
Bà Lê Thị Hồng Vân	Số 02/TC-KT ngày 17/05/2013	12 tháng	10%/năm	850.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 04/TC-KT ngày 13/05/2014	12 tháng	7,5%/năm	580.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 05/TC-KT ngày 14/05/2014	12 tháng	7,5%/năm	1.080.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Một phần hợp đồng vay số 06/TC-KT ngày 06/09/2013	12 tháng	7,5%/năm	11.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Tổng cộng			**2.521.000.000**	
Bà Hoàng Thị Chính	Số 02/TC-KT ngày 27/03/2014	12 tháng	9,7%/năm	300.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Tổng cộng			**300.000.000**	
Bà Nguyễn Thị La	Số 07/HĐVV ngày 16/08/2017	12 tháng	8%/năm	250.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 01/TC-KT ngày 20/02/2017	12 tháng	8,5%/năm	1.950.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 23/TC-KT ngày 01/12/2016	12 tháng	8,5%/năm	2.000.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 22/TC-KT ngày 29/11/2016	12 tháng	8,5%/năm	300.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 21/TC-KT ngày 15/11/2016	12 tháng	8,5%/năm	500.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 20/TC-KT ngày 09/11/2016	12 tháng	8,5%/năm	2.060.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 15/TC-KT ngày 12/07/2016	12 tháng	8,5%/năm	300.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 14/TC-KT ngày 08/07/2016	12 tháng	8,5%/năm	710.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 25/TC-KT ngày 18/12/2015	12 tháng	8,5%/năm	600.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 23/TC-KT ngày 03/12/2015	12 tháng	8,5%/năm	1.200.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Số 18/TC-KT ngày 28/06/2015	12 tháng	8,5%/năm	3.100.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Một số hợp đồng vay khác	12 tháng	8,5%/năm	748.900.000	Hợp tác kinh doanh
	Tổng cộng			**13.718.900.000**	
Bà Ngô Thu Hương	Số 07/HĐVV ngày 16/08/2017	12 tháng	8%/năm	1.150.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 06/HĐVV ngày 17/08/2017	12 tháng	8%/năm	50.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 11/HĐVV ngày 28/09/2017	12 tháng	8%/năm	250.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng			**1.450.000.000**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền vay	Mục đích vay
Ông Lê Anh Tuấn	Số 02/HĐVV-CMC-LAT ngày 18/05/2015 Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PL-HĐVV-CMC-LAT ngày 18/05/2016 về việc gia hạn thêm 12 tháng.	12 tháng	Không tính lãi	1.622.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 04/HĐVV-CMC-LAT ngày 05/07/2017	12 tháng	Không tính lãi	300.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 04/HĐVV-CMC-LAT ngày 01/08/2017	12 tháng	Không tính lãi	273.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 09/HĐVV ngày 21/09/2017	12 tháng	Không tính lãi	480.000.000	Phục vụ cho hoạt động
	Số 16/HĐVV ngày 01/11/2017	12 tháng	Không tính lãi	230.000.000	Phục vụ cho hoạt động
	Một số hợp đồng vay khác	12 tháng	Không tính lãi	735.000.000	Hợp tác kinh doanh
	Tổng cộng			**3.640.000.000**	
Ông Lương Văn Vịnh	Số 01/HĐVV-CMC-LAT ngày 25/02/2016	12 tháng	Không tính lãi	490.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng			**490.000.000**	
Công ty CP Viễn thông Tín hiệu Đường sắt	Số 01-STC/2017/HĐVV ngày 09/10/2017	3 tháng	8%/năm	300.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng			**300.000.000**	
Công ty CP Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	Số CMC/2017/HĐVV ngày 24/10/2017	3 tháng	8,5%/năm	500.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng			**500.000.000**	

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	3.479.449.100	-	3.479.449.100
- Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	-	*3.479.449.100*	-	*3.479.449.100*
Cộng	**-**	**3.479.449.100**	**-**	**3.479.449.100**

Vay dài hạn Công ty CP Viễn thông – Tín hiệu đường sắt theo hợp đồng vay số 11/HĐVV-TCCP ngày 04/07/2017 với thời hạn vay: 24 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua cổ phiếu do Công ty CP Viễn thông – Tín hiệu đường sắt phát hành theo Nghị quyết số 18/NQ-VTTHĐS-HĐQT ngày 01/06/2017. Lãi suất cho vay: 7%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	45.610.500.000	2.100.000	9.211.921.095	93.928.484	2.439.457.820
Tăng trong năm	-	-	-	-	423.571.750
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**45.610.500.000**	**2.100.000**	**9.211.921.095**	**93.928.484**	**2.863.029.570**
Số dư tại 01/01/2017	**45.610.500.000**	**2.100.000**	**9.211.921.095**	**93.928.484**	**2.863.029.570**
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.545.439.961
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	**45.610.500.000**	**2.100.000**	**9.211.921.095**	**93.928.484**	**4.408.469.531**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Ông Ngô Trọng Vinh	14.276.500.000	14.276.500.000
Ông Ngô Trọng Quang	5.854.200.000	5.854.200.000
Các cổ đông khác	25.479.800.000	25.479.800.000
Cộng	**45.610.500.000**	**45.610.500.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.561.050	4.561.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.561.050	4.561.050
- Cổ phiếu phổ thông	*4.561.050*	*4.561.050*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.561.050	4.561.050
- Cổ phiếu phổ thông	*4.561.050*	*4.561.050*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.863.029.570	2.439.457.820
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	1.545.439.961	423.571.750
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	**4.408.469.531**	**2.863.029.570**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng	7.296.462.672	13.123.446.655
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi	2.280.000.000	2.090.000.000
Cộng	**9.576.462.672**	**15.213.446.655**

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng bán	7.685.022.509	12.659.320.300
Giá vốn dịch vụ	400.715.004	400.181.550
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.216.000.000	(346.460.000)
Cộng	**9.301.737.513**	**12.713.041.850**

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	256.005.976	255.926.929
Lãi từ hoạt động mua bán cổ phiếu	5.640.364.950	1.591.745.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.291.531.903	2.051.554.900
Cộng	**8.187.902.829**	**3.899.227.329**

21. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	2.655.849.871	2.562.646.787
Phí giao dịch chứng khoán	74.014.594	21.661.040
Lỗ bán chứng khoán	652.460	220.815.700
Chi phí tài chính khác	1.875.000	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	716.888.640	(152.124.640)
Cộng	**3.449.280.565**	**2.652.998.887**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.441.654.821	1.034.400.306
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.291.301	60.473.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.816.560	451.128.813
Thuế, phí và lệ phí	10.686.918	289.916.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.669.318	56.400.000
Chi phí bằng tiền khác	546.764.887	467.039.721
Dự phòng phải thu khó đòi	625.000.000	1.875.000.000
Cộng	**3.419.883.805**	**4.234.358.487**

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.545.439.961	423.571.750
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(2.291.531.903)	(1.111.250.280)
- Điều chỉnh tăng	-	940.304.620
+ Chi phí xử lý công nợ	-	*825.291.212*
+ Chi phí khấu hao ôtô trên 1,6 tỷ	-	*115.013.408*
- Điều chỉnh giảm	2.291.531.903	2.051.554.900
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	*2.291.531.903*	*2.051.554.900*
Tổng thu nhập chịu thuế	(746.091.942)	(687.678.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

24. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.545.439.961	423.571.750
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(100.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	*100.000.000*
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.545.439.961	323.571.750
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.561.050	4.561.050
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	**339**	**71**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.291.301	60.473.154
Chi phí nhân công	1.441.654.821	1.034.400.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	433.816.560	451.128.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.356.236	346.316.493
Chi phí khác bằng tiền	995.496.255	884.016.986
Cộng	**3.243.615.173**	**2.776.335.752**

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động buôn bán máy móc thiết bị và dịch vụ cho thuê kho bãi tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

	Lĩnh vực buôn bán máy móc		*Lĩnh vực cho thuê kho bãi*		*Tổng cộng*	
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	*Năm 2017*	*Năm 2016*	*Năm 2017*	*Năm 2016*	*Năm 2017*	*Năm 2016*
Doanh thu bộ phận	7.296.462.672	13.123.446.655	2.280.000.000	2.090.000.000	9.576.462.672	15.213.446.655
Chi phí bộ phận	8.901.022.509	*12.312.860.300*	400.715.004	400.181.550	9.301.737.513	12.713.041.850
Lãi/(lỗ) bộ phận	**(1.604.559.837)**	**810.586.355**	**1.879.284.996**	**1.689.818.450**	**274.725.159**	**2.500.404.805**
Các khoản không phân bổ theo bộ phận						
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	48.016.364	16.795.715
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	3.419.883.805	4.234.358.487
Chi phí tài chính	-	-		-	3.449.280.565	2.652.998.887
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.187.902.829	3.899.227.329
Lãi/(lỗ)	-	-	-	-	**1.270.722.095**	**(3.004.925.760)**
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	1.753.383.917
Chi phí khác	-	-	-	-	7.293	825.291.212
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	-	-	-	-	**(7.293)**	**928.092.705**
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	1.545.439.961	423.571.750
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	**1.545.439.961**	**423.571.750**

27. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Quản lý rủi ro thị trường*:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá máy móc thiết bị và giá mua, bán chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá máy móc thông qua việc lựa chọn nhà cung cấp là những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất.

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, tìm hiểu, lựa chọn các cổ phiếu có các chỉ số cơ bản tốt.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.000.000	-	15.000.000
Chi phí phải trả	16.000.000	-	16.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	27.516.352.756	3.479.449.100	30.995.801.856
Phải trả khác	2.065.534.489	9.242.750.000	11.308.284.489
Cộng	**29.612.887.245**	**12.722.199.100**	**42.335.086.345**

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	-	-	-
Chi phí phải trả	17.500.000	-	17.500.000
Vay và nợ thuê tài chính	31.836.600.000	-	31.836.600.000
Phải trả khác	10.636.409.332	-	10.636.409.332
Cộng	**42.490.509.332**	**-**	**42.490.509.332**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.494.646	-	69.494.646
Chứng khoán kinh doanh	32.062.709.290	-	32.062.709.290
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	620.000.000	-	620.000.000
Phải thu về cho vay	6.620.270.500	-	6.620.270.500
Phải thu khác	203.054.164	-	203.054.164
Cộng	**39.575.528.600**	**-**	**39.575.528.600**

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	832.129.502	-	832.129.502
Chứng khoán kinh doanh	63.784.489.230	-	63.784.489.230
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	677.000.000	-	677.000.000
Phải thu về cho vay	21.496.241.600	-	21.496.241.600
Phải thu khác	1.100.139.000	-	1.100.139.000
Cộng	**88.389.999.332**	**-**	**88.389.999.332**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch Công ty
Công ty TNHH TM và XD Nhật Phương	Giám đốc Công ty là ủy viên HĐQT CMC (Ông Ngô Trọng Quang)
Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu đường sắt	Công ty nhận đầu tư và người đại diện theo pháp luật là Ông Ngô Trọng Vinh
Hoàng Thị Chính	Người có liên quan với Ông Ngô Trọng Quang
Ngô Anh Thư	Người có liên quan với Ông Ngô Trọng Quang
Nguyễn Thị La	Người có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Ngô Trọng Vinh	Cho vay	307.770.500	-
	Bán cổ phiếu	1.143.800.000	-
Công ty TNHH TM và XD Nhật Phương	Cho vay	4.610.700.000	3.533.900.000
Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu đường sắt	Cho vay	1.400.000.000	4.430.000.000
	Vay	3.779.449.100	-
Nguyễn Thị La	Vay	2.306.000.000	15.383.700.000
Ngô Anh Thư	Vay	290.000.000	500.000.000

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Ngô Trọng Vinh	Phải thu về cho vay	307.770.500	-
	Phải thu khác	1.143.800.000	-
Công ty TNHH TM và XD Nhật Phương	Phải thu về cho vay	6.312.500.000	17.066.241.600
Công ty CP Viễn thông - Tín hiệu đường sắt	Phải thu về cho vay	-	4.430.000.000
	Vay và nợ thuê tài chính	3.779.449.100	-
Nguyễn Thị La	Vay và nợ thuê tài chính	13.718.900.000	24.243.600.000
Hoàng Thị Chính	Vay và nợ thuê tài chính	300.000.000	300.000.000
Ngô Anh Thư	Vay và nợ thuê tài chính	2.520.000.000	2.330.000.000

29. Cam kết thuê hoạt động đối với đất làm trụ sở hoạt động của Công ty

Theo hợp đồng thuê đất ngày 31/07/2009 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư CMC, Công ty được thuê 2.105 m^2 đất tại phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội như sau:

- Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày 09/12/2004.
- Mục đích sử dụng: làm trụ sở và cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty.
- Phương thức nộp tiền sử dụng đất: thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Giá thuê đất đối với diện tích 2.105 m2 là 34.530đ/m2/năm. Giá tiền thuê đất này ổn định 5 năm, hết thời hạn trên thì giá thuê sẽ được định lại theo quy định của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu đầu kỳ được trình bày lại, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31/12/2016	Ngày 01/01/2017 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	136	104.139.000	1.104.139.000	1.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	9.689.062.201	10.689.062.201	1.000.000.000

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Trọng Hà	Nguyễn Ánh Hồng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018